

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HS-ST

Ngày: 15 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi

Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 137/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, tên gọi khác: Thành Tiểu, sinh năm 1998 tại Bình Phước; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Đinh Thị M, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án số 69/2019/HSST ngày 01/7/2019, đến ngày 22/12/2019 chấp hành xong; Tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18 tháng 6 năm 2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Minh N, tên gọi khác: không, sinh năm 1999 tại Sóc Trăng; Hộ khẩu thường trú: Ấp 03, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1979 và bà Trương Thị H, sinh năm 1977; bị cáo có vợ là Ngô Ngọc Y, sinh năm 1992 và 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 18 tháng 6 năm 2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Khánh S, SN: 1970; Trú tại: Khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Đức Đ, SN: 2003; Trú tại: Khu phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Đình Thắng, SN:1993; HKTT: Ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt)
2. Chị Lê Thị Hồng, SN:1990; HKTT: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian từ ngày 13 tháng 6 năm 2020 đến ngày 18 tháng 6 năm 2020, Nguyễn Minh N và Nguyễn Đức T đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/6/2020, Nguyễn Đức T đến phòng trọ của anh Nguyễn Đức Đ thuộc khu phố 3, phường T, thành phố Đ chơi. Tại đây, T hỏi mượn Đ xe mô tô biển số 93F1 – 163.44 đi mua đồ ăn thì Đ đồng ý và giao chìa khóa xe cho T. Sau đó, do không có tiền tiêu xài nên T điều khiển xe 93F1 – 163.44 đến nhà anh Vũ Đình T thuộc ấp 2, xã T, thành phố Đ cầm xe trên cho anh T được số tiền 2.800.000 đồng, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 23/6/2020, anh Đ làm đơn tố cáo T đến cơ quan Công an.

Kết luận định giá số 138/KLĐG ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Xoài, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu S đỏ đen, biển số 93F1 – 163.44, số khung: 5C6K0DY096079, số máy: 5C6K-096087, dung tích 110, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, trị giá 8.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/6/2020, Nguyễn Minh N đến tiệm game bắn cá Cây Bàng thuộc khu phố B, phường T, thành phố Đ thì gặp Nguyễn Đức T. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 18/6/2020, N và T bắt xe taxi đi về. Trong lúc chờ xe taxi, N có nói với T kiểm tiền chuộc xe để có xe đi làm. N và T bàn với nhau là đi taxi nếu thấy tài xế xe taxi có điện thoại để sơ hở thì giật lấy điện thoại rồi bỏ chạy để bán lấy tiền chuộc xe và chia nhau tiêu xài. Khoảng 15 phút sau, anh Nguyễn Khánh S là tài xế chạy xe taxi biển số 76A – 107.89 đến đón N và T. Đi được một đoạn, T và N nhìn thấy anh S có để 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ (trong ốp lưng điện thoại có tờ 2 USD) để ở vị trí thắng tay của xe. Thấy vậy, N và Thành nảy sinh ý định giật điện thoại của anh S rồi bỏ chạy. Do bàn tay phải của T lúc này đang bị thương nên Thành nói anh S điều khiển xe quay lại tiệm bắn cá Cây Bàng mục đích để cho N đi một mình có điều kiện thuận lợi để giật điện thoại của anh S. Lúc này, T và N có nhìn nhau để thể hiện sự thống nhất về việc để N thực hiện hành vi một mình còn T quay lại tiệm

bắn cá Cây Bàng để chờ N. Sau khi đưa T đến tiệm bắn cá Cây Bàng thì N nói anh S điều khiển xe chở N đến quán cà phê thuộc khu phố X, phường T để N đi vào quán cà phê đón một người bạn tên Loan (không rõ lai lịch) đi đến nhà nghỉ B để thuê phòng nghỉ. Sau đó, N tiếp tục nói anh S điều khiển xe chở N về hướng Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước. Khi đi trên đường Quốc lộ 14 đến đoạn thuộc khu phố 4, phường T, thành phố Đ thì N nói anh S dừng lại rồi tính tiền xe. Lúc này, N nói anh S tính tiền sai, mục đích để tìm thời điểm thích hợp giật điện thoại của anh S. Trong lúc nói chuyện qua lại, lợi dụng lúc anh S sơ hở, N giật lấy điện thoại Samsung Galaxy J6+ cùng 2 USD của anh S rồi bỏ chạy thoát. Sau khi giật được điện thoại, N bắt xe ôm về phòng trọ ngủ. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 18/6/2020, N đem điện thoại cướp giật được đến tiệm cầm đồ T thuộc khu phố P, phường T, thành phố Đ do chị Lê Thị H làm chủ cầm được số tiền 1.000.000 đồng. N bắt xe ôm đi đến tiệm bắn cá Cây Bàng để gặp T. Lúc gặp, T có hỏi N “Chạy đi đâu giờ mới lại, cầm điện thoại được bao nhiêu?” thì N đưa giấy cầm đồ cho T xem rồi T nói “Cầm được một triệu thôi hả?”. N đưa cho T 500.000 đồng tiền cầm điện thoại, số tiền cầm điện thoại cả hai đã tiêu xài hết. Cùng ngày, T và N bị Công an thành phố Đ bắt.

Kết luận định giá số 107/KLĐG ngày 24/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Xoài, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+, màu xanh đen, số Imel 1: 354402100597210, số Imel 2: 354403100597218, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, trị giá 2.500.000 đồng (bút lục 93).

Kết luận định giá số 162/KLĐG ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đồng Xoài, kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 2 USD trị giá 46.364 đồng (bút lục 91).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Quá trình điều tra tạm giữ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+, 01 tờ 2 USD, 01 xe mô tô biển số 93F1 – 163.44 (bút lục 63, 183, 239).

Ngày 20/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Khánh S 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+, 01 tờ 2 USD (bút lục 105A).

Ngày 09/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Đức Đ 01 xe mô tô 93F1 – 163.44 (bút lục 205).

Về dân sự: Anh Nguyễn Đức Đ và anh Nguyễn Khánh S đã nhận lại tài sản bị mất nên không yêu cầu thêm về dân sự (bút lục 196 – 199, 225 – 228).

Tại bản Cáo trạng số: 148/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “*Cướp giật tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 01 Điều 171 và khoản 01 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; Truy tố bị cáo Nguyễn Minh N về tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 01 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 12 đến 15 tháng tù về tội “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Minh N phải bồi thường cho chị Lê Thị Hồng số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng 148/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận điều tra; biên bản định giá tài sản, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài và chuộc xe tại thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, ngày 18/6/2020 Nguyễn Minh N và Nguyễn Đức T có hành vi bàn bạc, cướp giật của anh Nguyễn Khánh S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ và 01 tờ 2 USD, tổng trị giá 2.546.364 đồng, trong vụ án này N là người khởi xướng và cũng là người thực hành vi cướp giật, T đồng phạm với N trong vai trò người giúp sức.

Ngày 13/6/2020, Nguyễn Đức T mượn xe 93F1 – 163.44 trị giá 8.500.000 đồng của anh Nguyễn Đức Đ, sau đó tự ý đem đi cầm lấy số tiền 2.800.000 đồng tiêu xài hết.

Do vậy, hành vi của bị cáo T đã phạm tội “*cướp giật tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171, Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; Hành vi của bị cáo N đã phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Các Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trong quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, có đủ sức khỏe để lao động kiếm sống nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã phạm tội.

Hành vi của bị cáo T là lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu xe anh Nguyễn Đức Đ trong việc giao tài sản để bị cáo đi mua đồ ăn sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 93F1 – 163.44 để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 8.500.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo T và N trong vụ cướp giật tài sản là khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại anh Nguyễn Khánh S thì các bị cáo đã nhanh chóng cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ và 01 tờ 2 USD, tổng trị giá 2.546.364 đồng rồi tẩu thoát. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo T và N về tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nhằm có tiền để tiêu xài. Do đó cần xét xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện để các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật và nhận thức được hành vi sai trái của mình.

[5] Đối với vụ việc cướp giật tài sản do đây là vụ án đồng phạm nên cần phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo để có cơ sở khi quyết định hình phạt.

[5.1] Đối với bị cáo Nguyễn Minh N: Bị cáo thực hiện hành vi với vai trò là người khởi xướng đồng thời là người thực hành hiện hành vi cướp giật của anh Nguyễn Khánh S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ và 01 tờ 2 USD, tổng trị giá 2.546.364 đồng. Do đó cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo, để sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương bị cáo biết làm ăn lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5.2] Đối với bị cáo Nguyễn Đức T: Bị cáo thực hiện hành vi với vai trò là người thực hành giúp sức, sau khi nghe bị cáo N rủ đi cướp giật tài sản lấy tiền tiêu xài không những bị cáo không can ngăn mà còn hưởng ứng tích cực cùng tham gia, tuy bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật nhưng bị cáo đã cùng với bị cáo N thống nhất ý trí và tài sản sau khi cướp giật được đã được bị cáo N chia cho bị cáo T tiêu xài.

Do đó cần phải xét xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Minh N không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T có 01 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể; vào năm 2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự xử phạt 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án số 69/2019/HSST ngày 01/7/2019, đến ngày 22/12/2019 chấp hành xong; Do vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6.2] Về nhân thân:

Bị cáo Nguyễn Minh N trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 28/02/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 11/QĐ-TA (chưa chấp hành).

[6.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ như trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Đối với anh Vũ Đình Tg và chị Lê Thị H không biết được chiếc xe mô tô biển số 93F1 – 163.44 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6 là tài sản Thành và N phạm tội mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+, 01 tờ 2 USD, 01 xe mô tô biển số 93F1 – 163.44, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp do đó hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Nguyễn Khánh S và anh Nguyễn Đức Đ đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì.

Người liên quan: Anh Vũ Đình T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh N phải bồi thường số tiền 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) nên Hội đồng xét xử không xem xét

Chị Lê Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh N phải bồi thường số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho chị H; Do đó yêu cầu của chị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T (tên gọi khác: Thành Tiểu) phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt :

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 18 (mười tám) tháng tù về tội “*cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (mười hai) tháng tù về tội “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức T là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 18 (mười tám) tháng tù về tội “*cướp giật tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

3. Về trách nhiệm Dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh N phải bồi thường cho chị Lê Thị Hồng số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Minh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Minh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- Sở Tư pháp Tỉnh Bình Phước
- Phòng PV 06- Công an tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thành phố Đ;
- Nhà tạm giữ CA thành phố Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Hữu Bình

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình
- + Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Được
Ông Đào Xuân Nhi

Căn cứ vào Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Vào lúc 15 giờ 45 phút ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận, nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 137/2020/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

3. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T (tên gọi khác: Thành Tiểu) phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

4. Về hình phạt :

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 18 (mười tám) tháng tù về tội “*cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (mười hai) tháng tù về tội “*lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức T là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 18 (mười tám) tháng tù về tội “*cướp giật tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

3. Về trách nhiệm Dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh N phải bồi thường cho chị Lê Thị Hồng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Minh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Minh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Kết quả biểu quyết: đồng ý 3/3

Biên bản nghị án kết thúc lúc 16 giờ 10 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã xem lại biên bản và thống nhất ký tên.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA